

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2020/DS-PT
Ngày 16 – 10 – 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 117/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3585/2020/QĐ-PT ngày 22/9/2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Minh T, sinh năm 1957, (*vắng mặt*);

2. Bà Thái Thị Đ, sinh năm 1960, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 373/3 ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T và bà Đ (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2020): Ông Trần Tiến V, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 259/1C Đường T, Khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt).

- *Bị đơn: Bà Võ Thị R, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1930, *(chết ngày 20/12/2019).*

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

1.1. Bà Võ Xuân L, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt).*

1.2. Bà Võ Kim T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà T (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2020): Ông Lê Đông C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt).

1.3. Bà Võ Thị R1, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà R1 (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2019): Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

1.4. Bà Võ Thị R, sinh năm 1973; địa chỉ Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt).*

2. Bà Võ Kim T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà T (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2020): Ông Lê Đông C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Bà Võ Thị R1, sinh năm 1966, cư trú tại: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà R1 (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2019): Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

4. Bà Võ Xuân L, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt)*.

5. Ông Phạm Quốc N, sinh năm 1984, *(vắng mặt)*;

6. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1989, *(vắng mặt)*;

7. Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1993, *(vắng mặt)*;

8. Bà Phan Thị H, sinh năm 1993, *(vắng mặt)*;

9. Trẻ Phạm Ngọc H, sinh năm 2013, có người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc N, sinh năm 1984, *(là cha ruột – vắng mặt)*;

Cùng địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

10. Ông Trần Văn K, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(vắng mặt)*.

11. Ông Trần Văn U, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang, *(xin vắng mặt)*.

12. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2018): Ông Đỗ Chí Quang - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn bà Võ Thị R;

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Võ Thị R1 và bà Võ Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ trình bày:

Ông Võ Văn Bình, sinh năm 1930 (chết năm 2000) với bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1930, chung sống với nhau có 05 người con gồm: Võ Minh T, Võ Xuân L, Võ Kim T1, Võ Thị R1 và Võ Thị R. Ông Bình và bà N tạo lập được diện tích đất 16.000m² tọa lạc tại ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện T và 12.252m² đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T. Năm 2000 ông Bình chết, bà N quản lý toàn bộ tài sản. Năm 2003, bà N và các anh chị em của ông T lập thủ tục cho bà N đứng tên toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Toàn bộ diện tích đất 16.000m² bà N tách thửa cho các con và chuyển nhượng cho người khác (ông T chưa được nhận) nhưng không tranh chấp. Đối

với phần đất diện tích 12.252m², năm 2003 tách cho bà R 1.980m², bà N 10.272m². Năm 2007, bà N chuyển nhượng 4.297m², trong diện tích 10.272m², để trị bệnh, còn lại 6.552m² lập hợp đồng tặng cho ông T và bà Đ. Ông T và bà Đ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02070bH ngày 08/12/2007. Năm 2014, ông T và bà Đ làm thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận số CH02643 ngày 14/11/2014 diện tích 7.049m². Diện tích đất 7.049m² ông, bà canh tác một thời gian, sau do hoàn cảnh của bà Võ Thị R khó khăn về kinh tế nên ông, bà cho bà R mượn canh tác. Ông, bà nhiều lần yêu cầu bà R trả lại đất nhưng bà R không trả.

Nay ông T và bà Đ yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 114, quyển số I/2007/TP/CC-CST/HĐND ngày 20/11/2007 và công nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện T cấp số CH02643 ngày 14/11/2014 mang tên ông T và bà Đ. Ông T và bà Đ yêu cầu bà Võ Thị R trả lại diện tích 7.049m² đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện T cấp số CH02643 ngày 14/11/2014 mang tên ông T và bà Đ.

Đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà R, bà N yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Bình để lại diện tích đất thổ cư 644m² tọa lạc tại Ấp H, thị trấn P, huyện T và nhà trên đất, ông T thống nhất chia thừa kế theo pháp luật nhưng các đương sự rút yêu cầu này nên ông cũng không yêu cầu chia.

Theo Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị R trình bày:

Ông Võ Văn Bình và bà Nguyễn Thị N là cha mẹ ruột của bà. Ông Bình và bà N có 05 người con như ông T, bà Đ trình bày và thêm một người nữa là Võ Ngọc Bương đã chết nhưng không có vợ, con.

Nguồn gốc đất là của ông, bà để lại cho ông Bình và bà N. Năm 2000 ông Bình chết, năm 2003 bà N làm thủ tục đứng tên diện tích đất 10.252m². Năm 2006, bà N bị bệnh cần tiền nên nhờ ông T bán 4.297m² được 300.000.000 đồng nhưng ông T chỉ đưa cho bà N 35.000.000 đồng, phần còn lại ông T giữ. Diện tích đất 6.552m² còn lại bà N vẫn đứng tên quyền sử dụng đất và bà là người trực tiếp canh tác đến nay để lo đám giỗ cho ông - bà, không ai tranh chấp. Năm 2016, bà mới biết ông T và bà Đ đã đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 6.552m² còn lại của bà N bằng Hợp đồng tặng cho ngày 20/11/2007.

Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Đ. Bà yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho ngày 20/11/2007 giữa bà N với ông T, bà Đ; yêu cầu hủy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T và bà Đ; yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Bình để lại theo pháp luật đối với diện tích đất lúa 6.552m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T do ông Bình và bà N tạo lập.

Ngoài ra, ông Võ Văn Bình còn đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 644m² do UBND huyện T cấp số 03043QSDĐ/Bh ngày 11/12/1998 tọa lạc tại thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh An Giang, hiện nay ông Võ Minh T đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà R rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 644m² và tài sản gắn liền với diện tích đất này.

Theo Bản tự khai và Đơn yêu cầu độc lập cùng ngày 10/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà với ông Võ Văn Bình chung sống với nhau có 06 người con gồm: Võ Minh T, Võ Ngọc Bương (chết và không vợ con), Võ Xuân L, Võ Kim T1, Võ Thị R1, Võ Thị R. Ông, bà được cha mẹ cho 02 phần đất nông nghiệp và thổ cư tại thị trấn Phú Hòa, huyện T. Diện tích đất trên do ông Võ Văn Bình đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi ông Bình chết, năm 2003 bà làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 10.252m² và Võ Thị R1 diện tích đất 1.980m². Năm 2006, bà cần tiền để trị bệnh nên chuyển nhượng diện tích 4.297m², còn lại 6.552m² vẫn do bà đứng tên quyền sử dụng đất và do bà Võ Thị R quản lý canh tác. Ông Bình chết không để lại di chúc. Bà yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho ngày 20/11/2007 giữa bà với ông T, bà Đ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T và bà Đ; yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Bình để lại theo pháp luật đối với diện tích đất 6.552m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T do ông Bình và bà tạo lập. Bà xin giao lại toàn bộ tài sản của bà cũng như phần tài sản bà được thừa hưởng từ chồng cho bà Võ Thị R.

Năm 1998, ông Võ Văn Bình đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 644m² do UBND huyện T cấp số 03043QSDĐ/Bh ngày 11/12/1998 tọa lạc tại thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh An Giang hiện nay trên đất thổ cư có nhà của bà và nhà của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 644m² và tài sản gắn liền với diện tích đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị R1 trình bày:

Năm 1994, ông Bình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.252m²; năm 2000 ông Bình chết. Năm 2003, lập thủ tục cho bà Nguyễn Thị N đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 10.779m² và bà diện tích đất 1.980m². Năm 2006, bà N bị bệnh cần tiền chữa bệnh nên bán diện tích đất 4.227m² với giá 300.000.000 đồng. Diện tích đất còn lại 6.552m² bà N vẫn đứng tên và bà R vẫn canh tác để lấy tiền cúng giỗ hàng năm. Năm 2016, ông T đắp

nền nhà trên phần đất và xảy ra tranh chấp thì bà mới biết ông T và bà Đ đã đứng tên quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02070bH do UBND huyện T cấp ngày 08/12/2007 cho ông T và bà Đ; yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/11/2007; yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Bình chết để lại.

Đối với diện tích đất 644m² và tài sản gắn liền với đất do ông Bình đứng tên, ông Bình chết không để lại di chúc, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà R1 đã rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Kim T1 trình bày:

Bà thống nhất về hàng thừa kế như các đương sự trình bày. Đối với phần đất nông nghiệp bà không có ý kiến. Đối với diện tích đất 644m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03043QSDĐ/Bh do UBND huyện T cấp ngày 11/12/1998 do ông Bình đứng tên quyền sử dụng đất chết để lại. Hiện nay trên đất bà đã cất nhà để ở, trường hợp bà sử dụng diện tích đất nhiều hơn so với kỹ phần được hưởng thì bà đồng ý hoàn trả giá trị cho những người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Xuân L không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn U trình bày:

Ông là người thuê diện tích khoảng hơn 05 công đất của phía mẹ ông T, thuê theo mùa. Ông không tranh chấp gì đối với diện tích đất thuê. Trường hợp nếu tiếp tục thuê thì ông sẽ trả tiền cho chủ đất. Ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thực hiện chủ trương đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính và đồng bộ cơ sở dữ liệu trên địa bàn huyện T. Ông Võ Minh T đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri AK 209154, số vào sổ H02070bH do UBND huyện T cấp ngày 08/12/2007 cho ông Võ Minh T, số tờ bản đồ 01, thửa đất số 393, diện tích 6.552m² loại đất trồng lúa thành Giấy chứng nhận có số seri BX 273544, số vào sổ cấp GCN CH 02643, do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 cho ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ, thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.049m² loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và bà Đ là cấp đúng theo quy định, trình tự pháp luật theo Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 nên không thống nhất việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và bà Đ. Tuy

nhiên, liên quan đến việc diện tích 6.552m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T do ông Bình và bà N tạo lập nhưng vào thời điểm xác lập Hợp đồng tặng cho ngày 20/11/2007 thì tài sản là của ông Bình để lại chưa tiến hành chia thừa kế, bà N lại được đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án xác minh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho bà N là cấp cho hộ gia đình hay cá nhân bà N để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định. Đồng thời, ông Đỗ Chí Quang là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:74/2019/DS-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu đòi tài sản quyền sử dụng đất của ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị R1;

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị R1 về việc phân chia di sản thừa kế diện tích 644m² đất do UBND huyện T cấp số 03043QSDĐ/Bh ngày 11/12/1998 tọa lạc tại thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh An Giang mang tên ông Võ Văn Bình.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N với ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ vô hiệu một phần đối với phần diện tích đất 1.638m² là di sản của ông Võ Văn Bình thuộc phần thừa kế của ông Võ Minh T, bà Võ Kim T1 và bà Võ Xuân L.

Ông Võ Minh T, bà Võ Kim T1 và bà Võ Xuân L mỗi người được hưởng một suất thừa kế giá trị là 24.297.000 đồng. Ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ giao cho bà Võ Kim T1 với số tiền 24.297.000đ (hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng) và giao cho bà Võ Xuân L số tiền 24.297.000đ (hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất 7.049m² theo giấy chứng nhận có số seri BX 273544, sổ vào sổ cấp GCN CH02643, do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ (các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản gốc trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ ngày 20/3/2019) đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

Buộc bà Võ Thị R và người thuê đất (ông Trần Văn U) có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ diện tích đất 7.049m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BX 273544, sổ vào sổ cấp GCN CH02643, do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ (các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản gốc trích đo hiện

trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ ngày 20/3/2019) đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2019, bị đơn bà Võ Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N, bà Võ Kim T1 và bà Võ Thị R1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bị đơn và chấp nhận yêu cầu của bà N, bà T và bà R1.

Sau khi kháng cáo, bà Nguyễn Thị N chết ngày 20/12/2019, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Bà Võ Xuân L, bà Võ Kim T1, bà Võ Thị R1 và bà Võ Thị R.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Trong số các đương sự có đơn kháng cáo, bị đơn bà Võ Thị R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị R1, cùng người đại diện theo ủy quyền của bà R1, vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Võ Kim T1, bà T có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đông C tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ tham gia phiên tòa và có nộp Đơn xin miễn nộp án phí của ông Võ Minh T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Võ Thị R và bà Võ Thị R1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà R và bà R1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Võ Kim T1:

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Trong vụ án này, nguyên đơn ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/11/2007 và công nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông T và bà Đ. Đồng thời, ông T và bà Đ yêu cầu bà Võ Thị R trả lại diện tích đất 7.049m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện T đã cấp cho ông T và bà Đ nêu trên. Bị đơn bà Võ Thị R, cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị R1 có yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho ngày 20/11/2007 giữa bà N với ông T, bà Đ; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T và bà Đ; yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Bình để lại theo pháp luật đối với diện tích đất lúa 6.552m² tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T do ông Bình và bà N tạo lập. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận một phần yêu cầu đòi tài sản là quyền sử dụng đất của ông T và bà Đ, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà R và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà N và bà R1, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và bà Võ Kim T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về đơn xin miễn nộp án phí của ông Võ Minh T thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N, bà Võ Kim T1 và bà Võ Thị R1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Sau khi kháng cáo, bà Nguyễn Thị N chết ngày 20/12/2019. Tòa án đã xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N gồm: Bà Võ Xuân L, bà Võ Kim T1, bà Võ Thị R1, bà Võ Thị R.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bị đơn bà Võ Thị R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị R1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà R và bà R1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn U và UBND huyện T xin xét xử vắng mặt, còn lại đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và bà Võ Kim T1 đối với bản án sơ thẩm, như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết tranh chấp của các đương sự đối với diện tích đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/11/2014 mang tên ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ, nhưng hiện nay do bà Võ Thị R đang quản lý, sử dụng*:

[2.1] Các đương sự thống nhất thừa nhận diện tích 12.252m² đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02070QSDĐ/bH ngày 27/01/1994 đứng tên ông Võ Văn Bình là tài sản chung của ông Bình và bà Nguyễn Thị N. Năm 2000, ông Bình chết không để lại di chúc. Ông Bình và bà N có 05 người con gồm: Võ Minh T, Võ Xuân L, Võ Kim T1, Võ Thị R1 và Võ Thị R.

[2.2] Tuy nhiên, đến ngày 10/12/2002 bà N, bà R và bà R1 lập tờ thuận phân (thay cho biên bản phân chia tài sản), có xác nhận của UBND thị trấn Phú Hòa, huyện T. Trong đó, phân chia diện tích đất 12.252m² nêu trên cho bà R1 được 1.980m², bà N được 10.272m²; theo đó, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/3/2003 số vào sổ 02070QSDĐ/bH diện tích 10.272m² và bà R1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/3/2003 số vào sổ 04105QSDĐ/bH diện tích 1.980m².

Ngày 13/6/2007, bà N lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Văn Sỹ bà Nguyễn Thị Xuân Loan diện tích đất 4.297m² có chứng thực của UBND thị trấn Phú Hòa, huyện T. Ngày 18/9/2007, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại là 6.552m².

[2.3] Ngày 20/11/2007, bà N lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất 6.552m² cho ông T và bà Đ có xác nhận của UBND thị trấn Phú Hòa, huyện T. Theo đó, ông Võ Minh T, bà Thái Thị Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri AK 209154, số vào sổ H02070bH do UBND huyện T cấp ngày 08/12/2007, số tờ bản đồ 01, thửa đất số 393, diện tích 6.552m² loại

đất trồng lúa. Đến năm 2014, ông T và bà Đ làm thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BX 273544, số vào sổ CH02643, ngày 14/11/2014 với diện tích 7.049m².

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không tranh chấp đối với diện tích đất bà R1 đứng tên và diện tích đất bà N đã chuyển nhượng cho ông Sỹ và bà Loan nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Đối với diện tích đất 6.552m² đất mà bà N đã lập Hợp đồng tặng cho ông T và bà Đ các đương sự có tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của bà N và ông Bình; do đó, việc bà N tự định đoạt tặng diện tích đất này cho ông T là không đúng nên vô hiệu, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà N xác định chữ ký và dấu vân tay trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là của bà N, song lại cho rằng không phải ý chí của bà N, nhưng phía bà N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà N bị ép buộc, lừa dối nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Diện tích đất 6.552m² là tài sản chung của bà N và ông Bình đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân chia bà N 50% = 3.276m², phần ông Bình 50% = 3.276m². Phần di sản 3.276m² của ông Bình được chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà N, bà T, bà R1, bà R, bà Lan và ông T, mỗi suất thừa kế là 546m². Nhưng vì bà R và bà R1 đã cho bà N khai nhận di sản nên bà N được hưởng 3.276m² + 546m² (của bà N) + 546m² (của bà R) + 546m² (của bà R1), nên tổng cộng bà N được hưởng 4.914m², còn ông T, bà Lan, bà T mỗi người được hưởng 546m². Qua đó xét thấy, việc bà N định đoạt toàn bộ diện tích đất 6.552m² cho ông T và bà Đ là vượt quá diện tích đất 1.638m² phần di sản của bà T, bà Lan và ông T được hưởng thừa kế, ảnh hưởng đến quyền được hưởng di sản của bà T, bà Lan và ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N với ông T và bà Đ vô hiệu một phần đối với phần diện tích đất 1.638m², là di sản của ông Bình, thuộc phần thừa kế của ông T, bà T và bà Lan, là đúng.

[2.6] Theo Biên bản định giá đất tranh chấp ngày 06/9/2018 của Hội đồng định giá: Đối với đất vị trí 1 giá 49.500 đồng/m²; vị trí 2 giá 39.600 đồng/m², do không xác định được vị trí nên Tòa án cấp sơ thẩm tính bình quân 44.500 đồng/m². Vì vậy, mỗi suất thừa kế là 546m² x 44.500 đồng = 24.297.000 đồng.

Tuy nhiên, do diện tích đất 6.552m² đất đương sự tranh chấp nằm trong diện tích đất 7.049m² mà ông T và bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Trong khi

đó, phần bà T, bà Lan mỗi người được hưởng 546m² không đủ diện tích tách thửa cấp giấy chứng nhận và nhằm tránh phân chia manh mún canh tác không hiệu quả, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất cho ông T và bà Đ sử dụng. Ông T và bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà T và bà Lan bằng giá trị mỗi người 24.297.000 đồng, là có căn cứ.

[2.7] Do bà Võ Thị R đang quản lý, sử dụng diện tích đất 7.049m² nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà R và người thuê đất (ông Trần Văn U) có nghĩa vụ trả lại cho ông T và bà Đ diện tích này là đúng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và bà Võ Kim T1 là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của các đương sự này, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm bị kháng cáo.

[4] Về yêu cầu xin được miễn, giảm án phí của ông Võ Minh T:

Ông Võ Minh T sinh năm 1957, nên tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T đã thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009, được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin được miễn nộp án phí của ông Võ Minh T, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với ông T: Ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản mà ông T được hưởng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[4.1] Bà Võ Kim T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Bà Nguyễn Thị N (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.3] Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Võ Thị R và bà Võ Thị R1 đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào khóa 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị R1.

2- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và bà Võ Kim T1;

Chấp nhận đơn yêu cầu xin miễn nộp án phí của ông Võ Minh T; sửa phần quyết định về án phí dân sự sơ thẩm đối với ông T của Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân tỉnh An Giang;

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 127, 166, 623, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu đòi tài sản quyền sử dụng đất của ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị R1;

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị N và bà Võ Thị R1 về việc phân chia di sản thừa kế diện tích 644m² đất do UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03043QSDĐ/Bh ngày 11/12/1998 tọa lạc tại thị trấn Phú Hòa, huyện T, tỉnh An Giang mang tên ông Võ Văn Bình.

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N với ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ vô hiệu một phần đối với phần diện tích đất 1.638m² là di sản của ông Võ Văn Bình thuộc phần thừa kế của ông Võ Minh T, bà Võ Kim T1 và bà Võ Xuân L.

+ Ông Võ Minh T, bà Võ Kim T1 và bà Võ Xuân L mỗi người được hưởng một suất thừa kế giá trị là 24.297.000 đồng. Ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ giao cho bà Võ Kim T1 với số tiền 24.297.000đ (hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng) và giao cho bà Võ Xuân L số tiền 24.297.000đ (hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

+ Ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất 7.049m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BX 273544, số vào sổ cấp GCN CH02643, do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ (các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản gốc trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ ngày 20/3/2019) đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Buộc bà Võ Thị R và người thuê đất (ông Trần Văn U) có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ diện tích đất 7.049m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri BX 273544, số vào sổ cấp GCN CH02643, do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2014 mang tên ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ (các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản gốc trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ ngày 20/3/2019) đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

+ Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị R, bà Nguyễn Thị N (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), bà Võ Thị R1, bà Võ Kim T1, bà Võ Xuân L mỗi người phải hoàn trả cho ông Võ Minh T số tiền 678.000đ (sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh T và bà Thái Thị Đ phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000558 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; ông T và bà Đ được nhận lại 8.450.000 đồng.

Bà Võ Thị R phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008366 ngày 15/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; bà R được nhận lại 1.200.000 đồng.

Bà Võ Thị R1 phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002915 ngày 10/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; bà R1 được nhận lại 1.200.000 đồng.

Bà Võ Kim T1 và bà Võ Xuân L, mỗi người phải chịu án phí là 1.214.000đ (một triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế.

Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Minh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Võ Kim T1 phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà T đã nộp (ông Lê Đông C nộp thay) theo Biên lai thu số: 0009724 ngày 23/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

+ Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Võ Thị R đã nộp (ông Lê Đông C nộp thay) theo Biên lai thu số: 0009726 ngày 23/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

+ Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Võ Thị R1 đã nộp (ông Lê Đông C nộp thay) theo Biên lai thu số: 0009725 ngày 23/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

+ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 16 tháng 10 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Đương sự (9);
- Lưu HS (1), VP (6) (22b) PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh